ẢNH HƯỞNG CỦA THỦ PHÁP ĐÓNG VAI TRONG VIỆC GÂY HỨNG THÚ CHO SINH VIÊN HỌC MÔN NÓI B1, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ĐỖ TUẤN LONG*

Abstract: *Role-play is a frequently used technique in Communicative Language Teaching speaking class in order to get learners involved in situations designed by teachers. In this study, role-play was applied in Level B1 speaking class to identify its quantitative effect on the performance of students, i.e. oral test results. The result reveals that role-play is effective in arousing students' interest in speaking and boosting their oral test performance.*

Keywords: *role-play, speaking, oral test, interest.*

Trong những năm gần đây, đặc biệt là sau khi *Đề án Ngoại ngữ 2020* được đưa vào thực tiễn dạy và học, việc dạy học của giáo viên và học sinh có những chuyển biến tích cực. Tuy vậy, cũng phải nhìn nhận rằng, khả năng nói tiếng Anh của sinh viên (SV) Việt Nam còn khá hạn chế và đây cũng là rào cản lớn cho chúng ta vươn ra châu lục và thế giới. Vì vậy, chúng tôi tiến hành áp dụng thủ pháp "đóng vai" (role play) - một thủ pháp *"Dạy học ngoại ngữ theo hướng giao tiếp"* (Communicative Language Teaching - CLT) thường được sử dụng trong môn *Nói,* với mục đích nâng cao khả năng nói của SV học chương trình B1; qua đó giúp các em có được hành trang tốt nhất sau khi ra trường. Chúng tôi nghiên cứu ảnh hưởng của thủ pháp này đến thái độ của các em đối với môn nói và khả năng nói của các em, cụ thể là điểm thi nói. Từ kết quả có được, đưa ra dự đoán về số lượng SV qua môn học và đạt chuẩn đầu ra của lớp thực nghiệm (TN).

1. Dạy học ngoại ngữ theo hướng giao tiếp (CLT) và đóng vai

Hiện nay, khi được hỏi "Anh/ chị dạy tiếng Anh theo đường hướng nào?", hầu hết các giảng viên (GV) được hỏi sẽ trả lời "giao tiếp" và "giao tiếp" ở đây cần phải được hiểu là "dạy tiếng Anh theo đường hướng giao tiếp", chú trọng đến khả năng sử dụng ngôn ngữ nói của người học, ngữ pháp cũng quan trọng nhưng nó là thứ yếu. Lịch sử giáo học pháp tiếng Anh có thể chia ra làm ba giai đoạn: Giai đoạn 1: các phương pháp truyền thống (đến cuối thập niên 60); Giai đoạn 2: dạy học theo đường hướng giao tiếp cổ điển (trong hai thập niên 70-80); Giai đoạn 3: dạy học theo đường hướng giao tiếp hiện đại (từ thập niên 90 đến nay).

CLT được phát triển khi mà những phương pháp truyền thống bị phê bình bởi sự cứng nhắc của chúng trong việc dạy học ngoại ngữ. Thực vậy, CLT yêu cầu người học luyện tập trong những tình huống thực tế trong đời sống con người, và nó bắt nguồn từ triết học phương Tây về con người (Nitko, A. J. & Brookhart, S. M.). Tác giả Littlewood (1991) đã đưa ra bốn đóng góp lớn của CLT vào việc dạy và học ngoại ngữ là: 1) Khích lệ học viên; 2) Cung cấp "luyện tập toàn phần"; 3) Giúp việc luyện tập tự nhiên gần gũi; 4) Tạo ra ngữ cảnh để hỗ trợ việc học.

Đóng vai, như tên của thủ pháp cho thấy, người học sẽ nhập vai vào một tình huống trong cuộc sống được người dạy đưa ra. Tình huống này thường gần gũi và liên quan đến chủ đề của bài học. Khi đóng vai, sẽ có ít nhất hai người tham gia vào hội thoại, số lượng tối đa người tham gia phụ thuộc vào người dạy và yêu cầu của tình huống đặt ra.

2. TN áp dụng thủ pháp Đóng vai vào môn Nói, trình độ B1

2.1. Mục đích của TN. Xác định được định lượng hiệu quả của thủ pháp Role-play trong việc gây hứng thú cho SV học môn Nói, trình độ B1. Để đảm bảo tính khách quan, tác giả đã chọn hai lớp ở trình độ B1, trong đó lớp TN gồm 28 SV (15 nam, 13 nữ) có trình độ đầu vào - trình độ đầu ra là A2-B1 và lớp đối chứng

* Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

(ĐC), gồm 28 SV (17 nam, 11 nữ) có trình độ đầu vào - trình độ đầu ra là A2-B1. Cả hai lớp này đều học tại Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), sách giáo khoa (SGK) là cuốn **New English File** (trình độ trung cấp).

2.2. Nội dung TN. Theo lịch trình, mỗi một tuần thực học, SV lên lớp hai buổi, mỗi buổi ba tiết và thời gian là 150 phút. Giáo viên sẽ dạy SV nội dung từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp, kĩ năng (nghe - nói - đọc - viết) đi kèm với mỗi file bài giảng.

Môn *Nói* được dạy kèm trong mỗi file bài học và thời lượng của môn nói khoảng 35 phút trong mỗi buổi học. Nói được coi là một hoạt động trong bài giảng và có ba giai đoạn: - "Trước nói" (Pre-speaking) - ở giai đoạn này, GV sẽ cung cấp thêm từ vựng và chủ đề để SV chuẩn bị vào giai đoạn hai "Nói" (While-speaking) - SV sẽ làm theo chỉ dẫn của GV bằng cách nhập vai (role-play) các nhân vật trong tình huống thực tiễn mà GV đưa ra; - "Sau nói" (Post-speaking) - SV sẽ đi vào kĩ năng viết. Đây là cách được áp dụng đối với lớp TN.

Đối với lớp ĐC, tác giả cũng làm tương tự nhưng trong giai đoạn 2 "Trong nói" (While-speaking), tác giả để các em tự nêu ý kiến trong tình huống nhất định, không áp dụng thủ pháp Role-play.

2.3. Tổ chức TN. Lớp TN học tiếng Anh trình độ B1 (mã lớp FLF 1107-12) vào sáng ngày thứ 2 và thứ 4 hàng tuần. Lớp ĐC B1 (mã lớp FLF 1107-02), học chiều thứ 2 và thứ 4 hàng tuần. Trình tự của bài học tùy theo từng file trong SGK. Thường thì phần từ vựng hoặc ngữ pháp hoặc nghe sẽ là phần đầu tiên để cung cấp ngữ liệu đầu vào cho SV. Môn Nói sẽ đi kèm theo các môn trên bởi nói là một kĩ năng sản sinh (productive skill). Dưới đây là bài soạn mẫu (phần 1: Vocabulary and Speaking - Từ vựng và Nói) của lớp TN và lớp ĐC: File bài giảng 1C, trang 12 **New English File** (trình độ trung cấp) (xem *bảng dưới*).

2.4. Kết quả của TN. Kết quả của TN dựa vào hai yếu tố: thái độ của SV đối với môn Nói và kết quả học tập, cụ thể là điểm thi Nói của SV. Vào buổi học đầu tiên của tuần thứ 13 của khóa học, SV sẽ thi nói và đến buổi học cuối cùng, chúng tôi cho SV làm bản điều tra về thái độ của SV đối với môn nói. *Bảng 1* cho chúng ta biết thái độ khác nhau rõ rệt của SV trong hai lớp TN và ĐC đối với môn Nói.

Lớp	TN	ĐC
1. Thời gian	150 phút	150 phút
2. Mục tiêu bài học	Sau bài học này, SV có thể: - Về kĩ năng: + Thực hành kĩ năng giới thiệu, thương lượng; + Hoàn thiện kĩ năng miêu tả. - Về ngôn ngữ: + Biết các từ ngữ về chủ điểm gia đình và tính cách con người; + Sử dụng được khẩu ngữ thể hiện tương lai đơn giản.	Sau bài học này, SV có thể: - Về kĩ năng: + Thực hành kĩ năng giới thiệu, thương lượng; + Hoàn thiện kĩ năng miêu tả. - Về ngôn ngữ: + Biết các từ ngữ về chủ điểm gia đình và tính cách con người; + Sử dụng được khẩu ngữ thể hiện tương lai đơn giản.
3.Kiến thức SV đã biết:	- Các từ đơn giản về gia đình như parents (cha mẹ), sister (chị gái)... - Nói về bản thân mình và giới thiệu về gia đình mình ở mức độ đơn giản.	- Các từ đơn giản về gia đình như parents (cha mẹ), sister (chị gái)... - Nói về bản thân mình và giới thiệu về gia đình mình ở mức độ đơn giản.
4. Tiên lượng vấn đề gặp phải	- Một vài SV khá sẽ nói nhiều hơn SV kém hơn.	- Một vài SV khá sẽ nói nhiều hơn SV kém hơn.
5. Giáo cụ trực quan	- Bảng, tập tài liệu phát tay, SGK...	- Bảng, tập tài liệu phát tay, SGK...
6. Lịch trình	*1. Khởi động (10 phút):* - GV cho lớp chơi trò chơi "Ai là ai" để tìm ra: 1) SV gia đình hạt nhân; 2) SV gia đình đa thế hệ; - SV tìm ra số lượng đúng và nhanh nhất sẽ là người thắng cuộc; - GV hỏi SV xem mô hình gia đình hạt nhân hay gia đình đa thế hệ sẽ là mô hình gia đình của tương lai. SV đưa ý kiến, GV ghi lại những ý kiến đó trên bảng. *2. Từ vựng (15 phút):* - GV yêu cầu SV mở SGK trang 12, đọc trong 5 phút; - GV yêu cầu SV tóm tắt lại những xu thế phát triển của mô hình gia đình trong tương lai và kiểm tra xem ý kiến của SV có đúng không; - GV dạy từ mới: một số từ dạy theo cách triết tự. *3. Nói (20 phút): Đóng vai:* - GV đặt tình huống: Gia đình bạn vừa mới chuyển nhà đến một nơi mới. Bạn hãy giới thiệu gia đình mình với hàng xóm; - SV làm theo cặp: chuẩn bị hội thoại. Một bạn sẽ giới thiệu trước và sau đó đến bạn kia; - GV cung cấp ngữ liệu và trả lời thêm câu hỏi lúc SV chuẩn bị; - GV sẽ để SV luyện tập và sau đó gọi 2 cặp lên để nói trước lớp.	*1. Khởi động (10 phút):* - GV cho lớp chơi trò chơi "Ai là ai" để tìm ra: 1) SV gia đình hạt nhân; 2) SV gia đình đa thế hệ; - SV tìm ra số lượng đúng và nhanh nhất sẽ là người thắng cuộc; - GV hỏi SV xem mô hình gia đình hạt nhân hay gia đình đa thế hệ sẽ là mô hình gia đình của tương lai. SV đưa ý kiến, GV ghi lại những ý kiến đó trên bảng. *2. Từ vựng (15 phút):* - GV yêu cầu SV mở SGK trang 12, đọc trong 5 phút; - GV yêu cầu SV tóm tắt lại những xu thế phát triển của mô hình gia đình trong tương lai và kiểm tra xem ý kiến của SV có đúng không; - GV dạy từ mới: một số từ dạy theo cách triết tự. *3. Nói (20 phút):* - GV chia lớp thành nhóm hoặc cặp, yêu cầu các em luyện tập hỏi và trả lời trong sách giao khoa, mục 1c trang 13.

Bảng 1. Thái độ của SV đối với môn Nói

Thái độ	Lớp TN	Lớp ĐC
Yêu thích môn *Nói*	25/28 (89,28%)	20/28 (71,42%)
Môn *Nói* gần gũi với cuộc sống	24/28 (85,71%)	15/28 (53,57%)
Cảm thấy được khích lệ hơn khi học nói	23 (82,14%)	14/28 (50%)

Có thể nhận thấy, khi áp dụng thủ pháp Role-play vào lớp học nói, thái độ tích cực của SV được nâng cao rõ rệt. Tỉ lệ SV yêu thích môn *Nói* ở lớp TN cao hơn lớp ĐC 17,75%, hay số lượng SV cho rằng họ được khích lệ học nói tăng từ 14 ở lớp ĐC lên đến 23 ở lớp TN. Những con số trên có thể cho ta dự đoán rằng, tỉ lệ số SV đạt điểm cao ở lớp TN sẽ cao hơn số SV đạt điểm cao ở lớp ĐC. Thực vậy, điều này được chứng minh trong *bảng 2* dưới đây:

Bảng 2. Điểm của SV trong bài thi Nói

Tiêu chí	Đạt								Không đạt
Điểm	A+	A	B+	B	C+	C	D+	D	F
Lớp TN (số lượng)	0	1	2	5	7	4	6	3	3
Lớp ĐC (số lượng)	0	0	0	1	1	2	11	3	10

Bảng 2 cho thấy, số lượng SV có điểm đạt trở lên ở lớp TN là 25 so với 18 ở lớp ĐC (tăng đến 25%). Riêng điểm A, B+, C+, hay C thì lớp ĐC chỉ có 1 hoặc không có SV nào. Số lượng SV đạt trên 5 điểm trong bài thi nói ở lớp TN là 22 (78,5%) và lớp ĐC là 15 (53,7%).

Từ kết quả của TN, có thể dự đoán rằng số lượng SV đạt chuẩn đầu ra của lớp TN sẽ cao hơn hẳn số lượng SV đạt chuẩn đầu ra của lớp ĐC.

3. Theo các kết quả TN nói trên, chúng tôi nhận thấy, "đóng vai" có ảnh hưởng rất tích cực đến khả năng nói của SV; SV yêu thích môn học hơn và kết quả học tập cao hơn hẳn. Có được kết quả này là do hai yếu tố mang lại: - Đóng vai đưa SV vào tình huống gần gũi với thực tiễn cuộc sống của SV; các em sẽ có nhiều điều để chia sẻ với bạn học và thầy cô; - Đóng vai cũng khuyến khích SV sáng tạo, bởi lẽ trước khi thực hiện một vai nào đó được GV phân công, SV luôn có thời gian để chuẩn bị những nội dung liên quan mà các em muốn đề cập và có thể mở rộng những gợi ý sẵn có của GV; vì vậy, sức sáng tạo của SV được giải phóng, nâng cao. ❑

Tài liệu tham khảo

1. Nitko, A. J. & Brookhart, S. M. *Education Assessments of Students (5th Edition)*. Upper Saddle River, New Jersey: Person Education Inc., 2007.
2. Littlewood. *Communicative Language Teaching*. United Kingdom: Oxford University Press, 1991.
3. *Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, giai đoạn 2008-2020"*.
4. *Quyết định số 3079/QĐ-ĐHQGHN ngày 26/10/2010 của Giám đốc Đại học quốc gia Hà Nội về "Quy chế đào tạo đại học ở Đại học quốc gia Hà Nội"*.

Thử nghiệm đánh giá năng lực...

(Tiếp theo trang 46)

cần có sự định hướng rõ ràng trong mỗi câu hỏi nhỏ. Không nên chỉ sử dụng câu hỏi TNKQ đa lựa chọn, bởi còn yếu tố may rủi, khó đánh giá chính xác được NL của HS.

* * *

Quá trình nghiên cứu, thử nghiệm của chúng tôi đã đạt được mục tiêu đặt ra, bước đầu đánh giá và phân loại được NLGQVĐ của HS trong dạy học chương *Oxi - Lưu huỳnh* (**Hóa học 10**). Đồng thời, chỉ ra NLGQVĐ của HS hoàn toàn có thể đo lường được một cách khách quan khi xây dựng các tình huống, bộ câu hỏi TNKQ và TNTL với rubic đánh giá logic. Tuy nhiên, đây mới chỉ là những đánh giá ban đầu, hi vọng có thể cải tiến và phát triển thêm trong các nghiên cứu sau. ❑

Tài liệu tham khảo

1. Alison Wolf. *Competence-Based Assessment.* Open University Express, 1995.
2. Griffin, P. & E. Care. *Assessment and Teaching of 21st Century Skills. Methods and Approach (Eds)*, Springer. Dordrecht, 2015.
3. Jeal Paul - Anouk Zabal - Christine Blech. *The Assessment of Problem-Solving Competencies.* Deutsches Institut fŝr Erwachsenenbildung. 2006.
4. OECD. *PISA 2012 Problem Solving Framework*, tr 12. 2010.
5. OECD. PISA 2015 *Collaborative Problem Solving Framework*, tr 6. 2013.
6. Ulius Babajide Omiwale. *Relationship between problem-solving ability and achievement in physics among senior secondary school students in Osun state, Nigeria.* The African Symposium, 2011.